

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95 /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 1521.....
Ngày: 31/12/2023.....

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng	X	
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam		
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường		
CVP N.N.Tú	X	
PCVP T.H.Kiên		X
PCVP T.V.Thiên		
PCVP P.A.Tuân		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC	X	
VP BCSĐ		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật tín ngưỡng, tôn giáo về quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; trình tự, thủ tục cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc; trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo; trình tự, thủ tục chấp thuận, đăng ký việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài; việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài; việc quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và các biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình tín ngưỡng là công trình xây dựng theo quy định của pháp luật do:

- a) Cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng để làm cơ sở tín ngưỡng;
- b) Cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng để làm tượng đài, bia và tháp thuộc cơ sở tín ngưỡng;
- c) Dòng họ đầu tư xây dựng để làm nhà thờ dòng họ.

2. Công trình tôn giáo là công trình xây dựng theo quy định của pháp luật do:

- a) Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đầu tư xây dựng để làm cơ sở tôn giáo;
- b) Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đầu tư xây dựng để làm tượng đài, bia và tháp thuộc cơ sở tôn giáo.

3. Công trình phụ trợ là công trình xây dựng không sử dụng cho việc thờ tự của cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo gồm nhà ở, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, tường rào và các công trình tương tự khác trong khuôn viên cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo.

4. Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp là văn bản, tài liệu về quyền sử dụng hợp pháp đối với đất đai, nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, nhà ở và dân sự.

Chương II

SỬ DỤNG KINH SÁCH, BÀY TỎ NIỀM TIN TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO; THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG; THAY ĐỔI TÊN, TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC

Mục 1

SỬ DỤNG KINH SÁCH, BÀY TỎ NIỀM TIN TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO; THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG LÀ NGƯỜI VIỆT NAM

Điều 4. Việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo

1. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là người bị quản lý, giam giữ) được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng,

tôn giáo bằng lời nói hoặc hành vi của cá nhân theo quy định của pháp luật về nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là cơ sở quản lý, giam giữ).

2. Việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị quản lý, giam giữ tại cơ sở quản lý, giam giữ không được làm ảnh hưởng đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác và không trái với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc bảo đảm và quản lý kinh sách; thời gian, địa điểm sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cho người bị quản lý, giam giữ tại cơ sở quản lý, giam giữ được thực hiện theo nội quy, quy chế của cơ sở quản lý, giam giữ. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể việc ban hành nội quy, quy chế của cơ sở quản lý, giam giữ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung

1. Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm, họ và tên, nơi cư trú của người đại diện cũ và người đại diện mới của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi;

b) Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký;

d) Biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung

1. Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, người đại diện nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới;

b) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký.

3. Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác, người đại diện nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến có địa điểm mới.

Hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này kèm theo bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm mới để sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi địa điểm trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

Mục 2

THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM

Điều 7. Trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam

1. Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên tôn giáo, tên nhóm; họ và tên, quốc tịch của người đại diện cũ; họ và tên, quốc tịch, nơi cư trú tại Việt Nam của người đại diện mới; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi;

b) Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện mới;

c) Biên bản họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam

1. Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một tỉnh, người đại diện nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên, nơi cư trú tại Việt Nam của người đại diện; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới;

b) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung;

c) Văn bản chấp thuận của người đại diện cơ sở tôn giáo đối với trường hợp sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo.

3. Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn tỉnh khác, người đại diện nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến địa điểm mới.

Hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này kèm theo bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt địa điểm mới để sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

Mục 3

THAY ĐỔI TÊN, TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC

Điều 9. Trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Trước khi thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên tổ chức tôn giáo hoặc tên tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi;

b) Bản sao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo;

c) Bản sao văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Bản sao văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

3. Thẩm quyền chấp thuận:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Trước khi thay đổi trụ sở, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi;

b) Bản sao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác hoặc bản sao văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc đến địa bàn tỉnh khác;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm;

d) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh khi thay đổi trụ sở có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a, c và d khoản 2 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh còn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên người đại diện của tổ chức; lý do, thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức trước và sau khi thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

Chương III

ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN PHI THƯƠNG MẠI; ĐÌNH CHỈ, GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, CƠ SỞ ĐÀO TẠO TÔN GIÁO; CÔNG TRÌNH TÍN NGƯỠNG, CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ

Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, địa bàn hoạt động, cơ cấu tổ chức, số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm được đề nghị; họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc được đề nghị cấp đăng ký;

b) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo trực thuộc từ khi được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

c) Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người lãnh đạo của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

d) Bản kê khai và giấy tờ chứng minh tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

đ) Hiến chương, điều lệ hoặc các văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

3. Thẩm quyền cấp đăng ký:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo khi vi phạm nghiêm trọng một trong các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm và khả năng khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ quan ra quyết định xác định thời hạn đình chỉ nhưng không quá 24 tháng.

3. Quyết định đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên tổ chức, người đại diện, trụ sở tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; nguyên nhân đình chỉ; thời hạn đình chỉ; trách nhiệm khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

4. Thẩm quyền đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ toàn bộ hoạt động đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định đình chỉ toàn bộ hoạt động đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

5. Trước khi ra quyết định đình chỉ toàn bộ hoạt động của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm kiểm tra và kết luận về việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc vi phạm nghiêm trọng một trong các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được ban hành, cơ quan nhà nước ban hành quyết định phải giao quyết định cho các cơ quan, tổ chức sau đây:

a) Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị đình chỉ;

b) Tổ chức thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc bị đình chỉ;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với quyết định đình chỉ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đối với quyết định đình chỉ do cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ban hành.

7. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khi nhận được quyết định đình chỉ phải dừng tất cả hoạt động tôn giáo và có trách nhiệm khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ trong thời gian bị đình chỉ.

Điều 13. Phục hồi toàn bộ hoạt động tôn giáo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định này có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra, ra kết luận về việc khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ toàn bộ hoạt động của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian bị đình chỉ, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ và yêu cầu phục hồi hoạt động tôn giáo cho tổ chức;

b) Trong thời hạn 30 ngày trước ngày hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo.

2. Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ thì được phục hồi toàn bộ hoạt động tôn giáo; trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ thì bị giải thể theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Điều 15 của Nghị định này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương

1. Tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức đề nghị; tên, người đại diện, trụ sở, cơ cấu tổ chức của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; lý do và dự kiến thời điểm giải thể;

b) Bản kê khai tài sản, tài chính;

c) Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có);

d) Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

3. Tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể có trách nhiệm đăng thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định sau đây:

a) Trên 05 số liên tiếp của báo in ra hàng ngày hoặc 05 ngày liên tiếp trên báo điện tử ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh;

b) Trên 05 số liên tiếp của báo in ra hàng ngày hoặc 05 ngày liên tiếp trên báo điện tử ở địa phương đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

4. Thẩm quyền chấp thuận giải thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Đối với tổ chức tôn giáo tự giải thể, thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này chấp thuận cho tổ chức giải thể là thời điểm tổ chức phải nộp lại bản chính quyết định công nhận tổ chức tôn giáo; giấy chứng nhận của cơ quan công an về việc tổ chức đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

6. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc và nộp lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này các văn bản sau đây:

a) Bản chính văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Bản chính văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp;

c) Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể;

d) Giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

7. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị; tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; thời điểm giải thể.

Điều 15. Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo

1. Trước 60 ngày dự kiến giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp và tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến bị giải thể.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể kèm theo kết luận của cơ quan nhà nước có chức năng thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo về việc tổ chức không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi văn bản giải trình đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

Sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải trình, nếu tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự. Hết thời hạn trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; bãi bỏ và thu hồi các văn bản sau đây:

a) Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo;

b) Văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;

c) Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc;

d) Giấy chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan công an về việc đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

5. Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu, tổ chức giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm nộp lại các văn bản và thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 16. Đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo

1. Cơ sở đào tạo tôn giáo bị đình chỉ hoạt động đào tạo khi vi phạm nghiêm trọng một trong các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm và khả năng khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ của cơ sở đào tạo tôn giáo, cơ quan ra quyết định xác định thời hạn đình chỉ nhưng không quá 24 tháng.

3. Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, tên cơ sở đào tạo tôn giáo, người đại diện, trụ sở của cơ sở đào tạo tôn giáo; nguyên nhân đình chỉ; thời hạn đình chỉ; trách nhiệm khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo.

5. Trước khi ra quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm kiểm tra và kết luận về việc cơ sở đào tạo tôn giáo vi phạm nghiêm trọng một trong các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo được ban hành, cơ quan nhà nước ban hành quyết định phải giao quyết định cho các cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Cơ sở đào tạo tôn giáo bị đình chỉ;
 - b) Tổ chức tôn giáo thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo bị đình chỉ;
 - c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở của cơ sở đào tạo tôn giáo bị đình chỉ.
7. Cơ sở đào tạo tôn giáo khi nhận được quyết định đình chỉ phải dừng tất cả hoạt động đào tạo và có trách nhiệm khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ trong thời gian bị đình chỉ.

Điều 17. Phục hồi hoạt động đào tạo cho cơ sở đào tạo tôn giáo

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra, ra kết luận về việc khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo trong các trường hợp sau đây:

- a) Trong thời gian bị đình chỉ, cơ sở đào tạo tôn giáo khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ và yêu cầu phục hồi hoạt động đào tạo cho cơ sở đào tạo tôn giáo;
- b) Trong thời hạn 30 ngày trước ngày hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động đào tạo.

2. Cơ sở đào tạo tôn giáo đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ thì được phục hồi hoạt động đào tạo. Trường hợp cơ sở đào tạo tôn giáo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ thì bị giải thể theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Điều 19 của Nghị định này.

Điều 18. Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức tôn giáo

1. Tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo; tên, người đại diện, trụ sở, cơ cấu tổ chức của cơ sở đào tạo tôn giáo; lý do và dự kiến thời điểm giải thể;

b) Bản kê khai tài sản, tài chính;

c) Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có); phương thức giải quyết quyền lợi của học viên và những người có liên quan.

3. Cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm đăng thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định sau đây:

a) Trên 05 số liên tiếp của báo in ra hàng ngày hoặc 05 ngày liên tiếp trên báo điện tử ở trung ương đối với cơ sở đào tạo tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh;

b) Trên 05 số liên tiếp của báo in ra hàng ngày hoặc 05 ngày liên tiếp trên báo điện tử ở địa phương đối với cơ sở đào tạo tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận cho tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày được chấp thuận việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo và nộp lại cho cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương các văn bản sau đây:

a) Bản chính văn bản chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Bản chính văn bản thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của tổ chức tôn giáo;

c) Giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

6. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Văn bản thông báo nêu rõ tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo; tên, người đại diện, trụ sở của cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể; thời điểm giải thể.

Điều 19. Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo

1. Trước 60 ngày dự kiến giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức tôn giáo và cơ sở đào tạo tôn giáo về việc cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo; tên, người đại diện, trụ sở của cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương hoặc tổ chức tôn giáo chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể kèm theo kết luận của cơ quan nhà nước có chức năng thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo về việc cơ sở đào tạo tôn giáo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ hoạt động đào tạo tôn giáo đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản giải trình đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải trình, nếu cơ sở đào tạo tôn giáo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ thì cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự. Hết thời hạn trên, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo; bãi bỏ và thu hồi các văn bản sau đây:

a) Văn bản chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Bản chính văn bản thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của tổ chức tôn giáo;

c) Giấy chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan công an về việc đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

5. Trường hợp tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu, tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm nộp lại các văn bản và thông báo về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 18 của Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc đình chỉ, phục hồi hoạt động, giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo

1. Việc đình chỉ, phục hồi hoạt động, giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo phải được công bố công khai trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ra quyết định; 01 số báo in hoặc báo điện tử ở trung ương hoặc địa phương nơi tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo có trụ sở trong thời hạn 15 ngày sau khi bị đình chỉ, được phục hồi hoạt động hoặc giải thể.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ, phục hồi hoạt động, giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc chịu trách nhiệm việc công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này. Nội dung công bố gồm tên, trụ sở tổ chức, cơ sở bị đình chỉ, được phục hồi hoặc giải thể; lý do bị đình chỉ, được phục hồi hoặc giải thể; thời gian bị đình chỉ, được phục hồi hoặc giải thể.

Điều 21. Chấm dứt hoạt động của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo; quyền khiếu nại của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo khi bị đình chỉ, giải thể

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo chấm dứt hoạt động theo quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo theo quy định tại Điều 12; cơ sở đào tạo tôn giáo bị đình chỉ hoạt động đào tạo theo quy định tại Điều 16; giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại Điều 15; giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này không đồng ý với quyết định đình chỉ, giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo không được thực hiện hoạt động tôn giáo, hoạt động đào tạo tôn giáo.

Điều 22. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ

1. Việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình thuộc danh mục kiểm kê di tích của địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

2. Việc xác định công trình phụ trợ thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Trường hợp quy định về các công trình được miễn giấy phép xây dựng tại Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung thì việc xác định công trình phụ trợ thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng sẽ thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung.

Chương IV

CHẤP THUẬN, ĐĂNG KÝ PHONG PHẨM, BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 23. Trình tự, thủ tục chấp thuận việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

1. Tổ chức tôn giáo có tín đồ là công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức sắc, chức việc ở Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo nước ngoài; lý do đề nghị; họ và tên của người được đề nghị; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

b) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

c) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

2. Tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo; lý do đề nghị; họ và tên, phẩm vị (nếu có), quốc tịch của người được đề nghị; phẩm vị được đề nghị;

b) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được đề nghị;

c) Bảng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam cấp;

d) Bản sao hộ chiếu, bản chính hoặc bản sao có chứng thực phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người được đề nghị không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo nguyên tắc có đi có lại. Trường hợp người được đề nghị đã cư trú ở Việt Nam trên 06 tháng liên tục phải có thêm bản chính phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài chưa được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận thì không được sử dụng chức danh đó để hoạt động tôn giáo ở Việt Nam.

Điều 24. Trình tự, thủ tục đăng ký làm chức sắc, chức việc cho công dân Việt Nam được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài

1. Công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên, địa bàn phụ trách, phẩm vị, chức vụ của người được đăng ký ở nước ngoài và ở Việt Nam;

b) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được đăng ký;

c) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo ở nước ngoài của người được đăng ký;

d) Văn bản chứng minh phẩm vị, chức vụ, địa bàn hoạt động của người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Công dân Việt Nam đăng ký làm chức sắc, chức việc được hoạt động tôn giáo theo phẩm vị, chức vụ sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận việc đăng ký.

Chương V

HOẠT ĐỘNG QUYÊN GÓP; TIẾP NHẬN VÀ QUẢN LÝ CÁC KHOẢN TÀI TRỢ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI; HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO, HOẠT ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ

Điều 25. Hoạt động quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này về việc tổ chức quyên góp, trong đó nêu rõ mục đích, địa bàn, cách thức, thời gian quyên góp; phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyên góp.

3. Thẩm quyền tiếp nhận thông báo:

a) Trước khi tổ chức quyên góp 05 ngày làm việc, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyên góp đối với trường hợp quyên góp trong địa bàn một xã;

b) Trước khi tổ chức quyên góp 10 ngày, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức quyên góp đối với trường hợp quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

c) Trước khi tổ chức quyên góp 15 ngày, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức quyên góp đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

4. Hoạt động quyên góp của người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyên góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

5. Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyên góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyên góp.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này, khi tiếp nhận thông báo quyên góp có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này.

7. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện hoạt động quyên góp không đúng quy định tại Điều này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quyên góp có văn bản yêu cầu dừng tiếp nhận, sử dụng tài sản được quyên góp và xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp để thực hiện hoạt động từ thiện xã hội sẽ thực hiện theo quy định của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo phải công khai, minh bạch, đúng mục đích, thực hiện theo quy định tại Điều này và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc tiếp nhận, quản lý các khoản tài trợ.

2. Trước khi tiếp nhận tài trợ 20 ngày, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.

3. Văn bản thông báo phải nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ; người đại diện, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tên, trụ sở chính của tổ chức hoặc họ và tên, quốc tịch của cá nhân nước ngoài tài trợ; mục đích tiếp nhận tài trợ; thời gian, cách thức thực hiện tiếp nhận tài trợ; hình thức tài trợ (tiền hay hiện vật), giá trị tài trợ (đơn vị tính Việt Nam đồng); dự kiến thời gian sử dụng các khoản tài trợ; phương thức quản lý và sử dụng các khoản tài trợ; thông tin tài khoản tiếp nhận. Văn bản thông báo kèm theo bản cam kết của tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ về nguồn gốc các khoản tài trợ đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế và tuân thủ quy định pháp luật của nước sở tại trước khi thực hiện hoạt động tài trợ.

4. Sau khi kết thúc việc tiếp nhận tài trợ (đối với hiện vật) và sử dụng các khoản tài trợ (đối với khoản tài trợ bằng tiền), trong thời hạn 20 ngày, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ có trách nhiệm gửi báo

cáo kết quả sử dụng các khoản tài trợ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Báo cáo nêu rõ các khoản đã chi, thời gian chi (đối với các khoản tài trợ bằng tiền) và các nội dung được quy định trong văn bản thông báo quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với các khoản tài trợ tiếp nhận, sử dụng có thời hạn quá 12 tháng kể từ ngày tiếp nhận thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc gửi báo cáo tiến độ sử dụng hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh báo cáo về việc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh gửi về cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này khi tiếp nhận thông báo về việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này.

7. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản tài trợ không đúng quy định tại Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo tài trợ có văn bản yêu cầu tổ chức dừng tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản tài trợ và xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Các khoản tài trợ nêu tại Điều này không được xác định là viện trợ của nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam.

Điều 27. Hình thức tổ chức hoạt động tôn giáo, hoạt động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Hoạt động tôn giáo, hoạt động quyên góp, tiếp nhận tài trợ đã thông báo, đăng ký hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này khi thay đổi từ hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến hoặc kết hợp hình thức trực tiếp với hình thức trực tuyến thì thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc trước ngày thực hiện hoạt động tôn giáo, hoạt động quyên góp, tiếp nhận tài trợ.

2. Hoạt động tôn giáo, hoạt động quyên góp, tiếp nhận tài trợ chưa thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký hoặc đề nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi lựa chọn hình thức thực hiện trực tuyến hoặc kết hợp hình thức trực

tuyển với hình thức trực tiếp thì tổ chức, cá nhân có liên quan sẽ thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều, khoản tương ứng của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này.

3. Hoạt động tôn giáo, hoạt động quyên góp, tiếp nhận tài trợ bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp hình thức trực tiếp với hình thức trực tuyến phải tuân thủ Hiến pháp, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định này, quy định của pháp luật về thông tin, truyền thông và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 28. Tiếp nhận hồ sơ

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện trình tự, thủ tục hành chính theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo một trong các hình thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công chức tiếp nhận phải giao trực tiếp 01 bản Phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính về tín ngưỡng, tôn giáo cho người đến nộp hồ sơ và lưu 01 bản;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công chức tiếp nhận gửi thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại về việc tiếp nhận hoặc hướng dẫn bổ sung đến tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật, công chức tiếp nhận phải gửi 01 bản Phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính về tín ngưỡng, tôn giáo cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ và lưu 01 bản;

d) Người được cơ quan, tổ chức, cá nhân cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có Giấy giới thiệu hoặc ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân, Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn trả lời.

4. Khi thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này, đối với các thủ tục quy định các văn bản, giấy tờ trong hồ sơ là bản sao thì khi nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm xuất trình bản chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đối chiếu.

5. Phiếu lý lịch tư pháp quy định tại Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

Điều 29. Biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

1. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục các biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan sử dụng biểu mẫu trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Điều khoản chuyển tiếp đối với khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này

Đối với các công trình liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo đã tồn tại trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, khi cải tạo, nâng cấp, xây dựng được thực hiện như sau:

a) Đối với các công trình do cộng đồng dân cư quản lý, khi cải tạo, nâng cấp, xây dựng thì người đại diện cộng đồng dân cư là đại diện chủ đầu tư để thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về cải tạo, nâng cấp, xây dựng như công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo;

b) Đối với các công trình do tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo quản lý, khi cải tạo, nâng cấp thì người đại diện cho tổ chức là đại diện chủ đầu tư để thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về cải tạo, nâng cấp như công trình tôn giáo.

2. Các thủ tục hành chính về tín ngưỡng, tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quy định tại Điều 26 Nghị định này được thực hiện kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan

1. Bộ Nội vụ là cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương, chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về tôn giáo; các hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về lễ hội tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giúp Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Trong việc thực hiện các quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này, những trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc quyết định theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cùng cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân hoặc quyết định theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, trừ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng; quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được quy định tại các Điều 13, 14 và Điều 15 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 3 năm 2024.

2. Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Lưu Quang

Trần Lưu Quang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Số: 01 / SY

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành TP;
- UBND các Q, H;
- CPVP;
- Các Phòng: KSTTHC, HCTC;
- Công TTĐT TP;
- Lưu VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Hải Phòng, ngày 03 tháng 01 năm 2024

TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Huy Kiên